

Số : 803 /QĐ-ĐHTB

Thái Bình, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chuẩn đầu ra 08 chương trình đào tạo trình độ đại học
hệ chính quy của Trường Đại học Thái Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 08/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ
về việc thành lập Trường Đại học Thái Bình trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng
Kinh tế - Kỹ thuật Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Thái Bình quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trường Đại học Thái Bình;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thái Bình (ban hành
kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐTĐHTB ngày 04/9/2024 của Hội đồng trường
Trường Đại học Thái Bình);

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định
và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung
năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại
học Thái Bình Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành
chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Thái Bình;

Căn cứ đề xuất của các Khoa xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra các
ngành/chương trình đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Thái Bình;

Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Đào tạo và HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra của 08 chương trình đào tạo
trình độ đại học, hệ chính quy của Trường Đại học Thái Bình, áp dụng từ năm 2023.

(có danh mục và chuẩn đầu ra của 08 chương trình đào tạo kèm theo)

Điều 2. Chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt được khi tốt
nghề nghiệp, bao gồm: nội dung kiến thức; kỹ năng; thái độ; vị trí làm việc mà người học có

thể đảm nhận; khả năng học tập nâng cao trình độ và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng ngành đào tạo. Chuẩn đầu ra là bản cam kết của Nhà trường trước xã hội và là cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chương trình đào tạo ngành và chuyên ngành; cải tiến và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá trong quá trình đào tạo.

Điều 3. Chuẩn đầu ra của 08 chương trình đào tạo tại Điều 1 được công bố công khai tại địa chỉ: <https://tbu.edu.vn/daotao/chuandaura>

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trưởng Phòng Đào tạo và HSSV, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CTHĐT (để báo cáo);
- Như điều 5;
- Lưu VP, ĐT&HSSV.

HIỆU TRƯỞNG



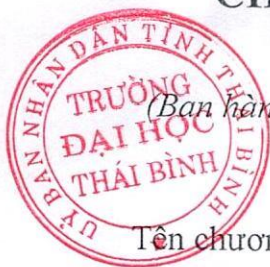
PGS. TS. Phạm Quốc Thành



**DANH MỤC CHUẨN ĐẦU RA CỦA 08 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTB ngày 26/10/2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)*

TT	Mã chương trình đào tạo	Tên chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (tiếng Việt)	Tên chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (tiếng Anh)
1.	7340301	Kế toán	Accounting
2.	7310101	Kinh tế	Economics
3.	7340101	Quản trị kinh doanh	Business Administration
4.	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	Technology of Electricical and Electronic Engineering
5.	7380101	Luật	Law
6.	7480201	Công nghệ thông tin	Information Technology
7.	7510201	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí	Mechanical Engineering Technology
8.	7340201	Tài chính ngân hàng	Finance and Banking



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH KẾ TOÁN

(Ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTB ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt: Kế toán

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh: Accounting

Ngành đào tạo: Kế toán; Mã ngành: 7340301

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Kế toán

Mã chương trình đào tạo: 7340301_2023

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo chuẩn 04 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo Trường Đại học Thái Bình)

1.2. Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Thái Bình.

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh của Nhà trường

1.3. Thang điểm/phương thức đào tạo/điều kiện tốt nghiệp:

- Thang điểm:

+ Điểm học phần: Sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ.

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình).

- Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:



a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành đạt các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học có thể:

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức	Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội vào thực tiễn.	PG1
	Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành và kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán. Tích lũy kiến thức chuyên môn về kế toán để thực hiện công việc chuyên môn trong các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.	PG2

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kỹ năng	Phát triển năng lực phân tích và giải quyết vấn đề pháp lý, tiếp cận thực tế, có kỹ năng cá nhân và trách nhiệm giải quyết công việc, học tập	PG3
	Phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực kế toán để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.	PG4
Năng lực tự chủ trách nhiệm	Khả năng tự học tập suốt đời, năng lực học tập nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp.	PG5
	Người học có phẩm chất chính trị, tự xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.	PG6

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn : Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	Ghi chú
	Kiến thức	
PLO1	Hiểu được những nguyên lý cơ bản, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống chính trị, pháp luật của Nhà nước để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	2
PLO2	Hiểu được các kiến thức về toán học, tin học, ngoại ngữ và khoa học tự nhiên, xã hội để học tập các kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu công việc.	2
PLO3	Áp dụng những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh vào việc phân tích giải quyết các vấn đề liên quan trong công việc.	3
PLO4	Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ, quản lý các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, kế toán.	3
PLO5	Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.	3
PLO6	Vận dụng kiến thức về kế toán, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, chế độ kế toán vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán tại các đơn vị.	3
PLO7	Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, kiểm soát, phân tích hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính vào phân tích đánh giá các hoạt động của đơn vị.	4
	Kỹ năng	
PLO8	Thể hiện khả năng thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	3
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình.	3
PLO10	Đạt năng lực chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.	3
PLO11	Phát triển kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc. Truyền tải, phổ biến kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn về kế toán.	3
PLO12	Phát triển kỹ năng tư duy, phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thích ứng với môi trường thay đổi.	3
PLO13	Thể hiện kỹ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán. Thực hành chuyên nghiệp trong lĩnh vực kế toán để có thể đảm nhận các vị trí công việc về kế toán.	3
	Năng lực tự chủ trách nhiệm	
PLO14	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	3
PLO15	Thể hiện nhận thức về các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy định của pháp luật, trách nhiệm với xã hội và tinh thần học tập suốt đời để phát triển bản thân.	3

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	√					
PLO2	√					
PLO3		√				
PLO4		√				
PLO5		√				
PLO6		√				
PLO7		√				
PLO8			√			
PLO9			√			
PLO10			√			
PLO11				√		
PLO12				√		
PLO13				√		
PLO14					√	
PLO15						√

Ma trận số 01: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với khung năng lực quốc gia

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt1	Kt2	Kt3	Kt4	Kt5	Kn1	Kn2	Kn3	Kn4	Kn5	Kn6	Tc1	Tc2	Tc3	Tc4
PLO1		√													
PLO2		√													
PLO3	√														
PLO4	√		√												
PLO5	√			√	√										
PLO6	√			√	√										
PLO7	√			√	√										
PLO8						√	√								
PLO9											√				
PLO10						√		√							
PLO11										√					
PLO12								√							
PLO13									√						
PLO14												√	√		
PLO15														√	√

Ma trận số 02: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt:	Quản trị kinh doanh	
Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh:	Business Administration	
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh;	Mã ngành: 7340101
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Hình thức đào tạo:	Chính quy	
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt	
Văn bằng tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh do Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình cấp.		
Mã chương trình đào tạo: 7340101_2023		

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo chuẩn 04 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo Trường Đại học Thái Bình).

1.2. Chuẩn đầu vào

- Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Thái Bình.

- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

- Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

1.3. Thang điểm/phương thức đào tạo/điều kiện tốt nghiệp:

- Thang điểm:

+ Điểm học phần: Sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ.

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình).

- Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:

a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành đạt các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Quản trị kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, người học đạt được:

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức (Kt)	Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, chính trị, pháp luật để lý giải, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn	PG1
	Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức nền tảng về kinh tế, thống kê, marketing, tài chính, kế toán và chuyên sâu về quản trị kinh doanh để tham gia vào việc phân tích, đánh giá, ra quyết định điều hành hoạt động của doanh nghiệp hoặc công việc kinh doanh của bản thân.	PG2

Về kỹ năng (Kn)	Kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức doanh nghiệp; có năng lực về ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu vấn đề chuyên môn, giải quyết công việc phù hợp với từng vị trí việc làm	PG3
	Kỹ năng phản biện, giao tiếp hiệu quả, truyền đạt, chuyển tải phổ biến kiến thức phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	PG4
Năng lực tự chủ trách nhiệm (Tc)	Khả năng học tập suốt đời, tự ý thức, trách nhiệm với hoạt động phục vụ cộng đồng và xã hội, đạo đức nghề nghiệp.	PG5
	Khả năng làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh.	PG6

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn

Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	Ghi chú (Mức độ đạt chuẩn)
	Kiến thức	
PLO1	Hiểu được những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn	2
PLO2	Hiểu được các kiến thức về toán học, ngoại ngữ, tin học và khoa học tự nhiên, xã hội để tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc	2
PLO3	Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh vào việc phân tích, giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan trong công việc	3
PLO4	Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ quản lý các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.	3
PLO5	Vận dụng kiến thức thống kê, marketing, tài chính, kinh tế, kế toán, quản trị tổ chức, quản trị các nguồn lực để giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh	3
PLO6	Vận dụng sáng tạo các kiến thức trong lĩnh vực quản trị chuyên sâu vào giải quyết các tình huống trong tổ chức và quản lý hoạt động của doanh nghiệp	3
PLO7	Phân tích, đánh giá, dự đoán các nhân tố tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh để đưa ra những gợi ý, ưu tiên trong việc ra quyết định, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan phù hợp với các loại hình doanh nghiệp	4
	Kỹ năng	
PLO8	Thể hiện năng lực thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	3
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình.	3
PLO10	Đạt chuẩn năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT	3
PLO11	Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề, chuyển tải phổ biến kiến thức, kỹ năng, bảo vệ quan điểm và đưa ra các giải pháp tới người khác tại nơi làm việc nhằm phối hợp giải quyết hiệu quả công việc	3
PLO12	Phát triển kỹ năng tư duy, phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu	3
PLO13	Thực hiện được các kỹ năng cần thiết như hoạch định, phân tích, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh biến động	3
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO14	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong các công việc chuyên môn.	3
PLO15	Tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật; có đủ năng lực để thực hiện công việc thuộc lĩnh vực kinh doanh tại các tổ chức doanh nghiệp; có tinh thần, khả năng học tập suốt đời để phát triển bản thân.	3

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình (Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo)

Ghi chú: Điền dấu ✓ thể hiện sự hướng đến mục tiêu chương trình đào tạo của mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	✓					
PLO2	✓	✓				
PLO3		✓				
PLO4		✓				
PLO5		✓				
PLO6		✓				
PLO7		✓				
PLO8			✓			
PLO9			✓			
PLO10			✓			
PLO11				✓		
PLO12			✓			
PLO13			✓			
PLO14						✓
PLO15					✓	✓

Ma trận số 01: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với khung năng lực quốc gia (Ma trận số 2: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung trình độ Quốc gia)

Ghi chú: Điền dấu ✓ thể hiện sự hướng đến Khung năng lực quốc gia của mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt1	Kt2	Kt3	Kt4	Kt5	Kn1	Kn2	Kn3	Kn4	Kn5	Kn6	Tc1	Tc2	Tc3	Tc4
PLO1		√													
PLO2		√													
PLO3					√										
PLO4			√												
PLO5	√			√											
PLO6	√		√	√											
PLO7	√			√											
PLO8							√								
PLO9											√				
PLO10						√									
PLO11										√					
PLO12								√							
PLO13						√			√						
PLO14												√			
PLO15													√	√	√

Ma trận số 02: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt: Cử nhân Công nghệ thông tin

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh: Information Technology

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin; Mã ngành: 7480201

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính qui

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Văn bằng tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cử nhân Công nghệ thông tin do Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình cấp.

Mã chương trình đào tạo: 7480201_2023

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo chuẩn 4 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo của trường Đại học Thái Bình).

1.2. Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Thái Bình.

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của nhà trường.

1.3. Thang điểm/phương thức đào tạo/điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm:

+ Điểm học phần: Sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ.

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25 ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình).

Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:

a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành đạt các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người học có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Công nghệ thông tin;

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức	Có kiến thức khoa học cơ bản, những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, chính trị, pháp luật Việt Nam để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng và hội nhập quốc tế trong thời đại mới.	PG1
	Có kiến thức nền tảng về cơ sở ngành, liên ngành, nhóm ngành, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành, các kiến thức bổ trợ, các kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn thuộc ngành công nghệ thông tin.	PG2
Về kỹ năng	Có kỹ năng phân tích, thiết kế, xây dựng, triển khai và vận hành hệ thống công nghệ thông tin. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi. Có năng lực về ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu vấn đề chuyên môn và giải quyết công việc phù hợp.	PG3
	Kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, phản biện, đánh giá, giao tiếp hiệu quả, truyền đạt vấn đề và giải pháp phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực công nghệ thông tin.	PG4
Năng lực tự chủ	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Hướng dẫn, giám sát người khác làm việc. Có trách nhiệm với công việc.	PG5
trách nhiệm	Tự chủ, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có tinh thần tự nghiên cứu và học tập suốt đời. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực nâng cao hiệu quả các hoạt động.	PG6

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn : Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Program learning outcomes (PLOs)	Ghi chú
	Kiến thức	
PLO1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng CSVN, hệ thống chính trị, chính sách, pháp luật của Nhà nước để hòa nhập xã hội.	2
PLO2	Hiểu được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và xã hội, ngoại ngữ, tin học để tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành thuộc ngành công nghệ thông tin.	2
PLO3	Hiểu và vận dụng kiến thức cơ sở liên ngành để thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.	3
PLO4	Hiểu và vận dụng các kiến thức của nhóm ngành để tiếp thu các kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành Công nghệ thông tin và hòa nhập với môi trường làm việc thực tế.	3
PLO5	Hiểu và vận dụng những kiến thức của ngành học vào việc giải	3

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Program learning outcomes (PLOs)	Ghi chú
	quyết các vấn đề trong thực tế thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin.	
PLO6	Hiểu và vận dụng những kiến thức chuyên ngành để thiết kế, xây dựng, triển khai, kiểm tra và đánh giá các ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tế và nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn.	3
PLO7	Áp dụng các kiến thức về quản lý và điều hành các công việc chuyên môn phù hợp với thực tế nghề nghiệp.	4
	Kỹ năng	
PLO8	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.	3
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình.	3
PLO10	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu công việc	3
PLO11	Kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức và giải pháp tới người khác nhằm phối hợp thực hiện hiệu quả công việc.	4
PLO12	Kỹ năng tư duy, phản biện, phê phán, phân tích thông tin và sử dụng các giải pháp thích ứng môi trường làm việc thay đổi.	4
PLO13	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc của bản thân và của đồng nghiệp, thể hiện được vai trò của cá nhân trong nhóm làm việc.	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO14	Năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong hoạt động chuyên môn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.	3
PLO15	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân. Có khả năng học tập suốt đời để phát triển bản thân. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực nâng cao hiệu quả các hoạt động.	3

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình (Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo)

Ghi chú: Điền dấu ✓ thể hiện sự hướng đến mục tiêu chương trình đào của mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	√					
PLO2	√					
PLO3		√				
PLO4		√				
PLO5		√				
PLO6		√				
PLO7		√				
PLO8			√			
PLO9			√			
PLO10			√			
PLO11				√		
PLO12			√	√		
PLO13				√		
PLO14					√	
PLO15						√

Ma trận số 01: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với khung năng lực quốc gia (Ma trận số 2: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung trình độ Quốc gia)

Ghi chú: Điền dấu √ thể hiện sự hướng đến Khung năng lực quốc gia của mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt 1	Kt 2	Kt 3	Kt 4	Kt 5	Kn 1	Kn 2	Kn 3	Kn 4	Kn 5	Kn 6	Tc 1	Tc 2	Tc 3	Tc 4
PLO1	√	√													
PLO2		√	√												
PLO3		√		√											
PLO4			√	√											
PLO5			√	√											
PLO6			√	√	√										
PLO7					√										
PLO8							√								
PLO9		√									√				

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt 1	Kt 2	Kt 3	Kt 4	Kt 5	Kn 1	Kn 2	Kn 3	Kn 4	Kn 5	Kn 6	Tc 1	Tc 2	Tc 3	Tc 4
PLO10		√				√									
PLO11						√				√					
PLO12			√					√							
PLO13						√			√						
PLO14												√	√		
PLO15														√	√

Ma trận số 02: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia





CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

(Ban hành theo Quyết định số.../QĐ-ĐHTB, ngày... tháng... năm...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Tên bằng tiếng anh: Mechanical engineering technology

Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật cơ khí Mã ngành: 7510201

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính qui

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Mã chương trình đào tạo: 7510201_2023

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo chuẩn 4 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo của trường Đại học Thái Bình).

1.2. Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Thái Bình.

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của nhà trường.

1.3. Thang điểm/quy trình đào tạo/điều kiện tốt nghiệp

- Thang điểm:

+ Điểm học phần: Sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ.

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25 ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình).

- Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:

a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên – xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức (Kt)	Kiến thức khoa học cơ bản, những nguyên lý, chính trị, quy luật tự nhiên - xã hội, có hiểu biết về hệ thống pháp luật Việt Nam, để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng và hội nhập quốc tế trong thời đại mới.	PG1
	Kiến thức nền tảng về kỹ thuật cơ sở, liên ngành, nhóm ngành, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành, các kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn thuộc ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí.	PG2
Về kỹ năng (Kn)	Kỹ năng phân tích, tính toán, thiết kế, lập trình quy trình công nghệ, lập trình gia công, mô phỏng, xử lý dữ liệu, chế tạo; kỹ năng nghiên cứu khoa học, dẫn dắt, khởi nghiệp, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ. Kỹ năng lãnh đạo, lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, lắp đặt vận hành, kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng trang thiết bị và dây chuyền sản xuất. Có năng lực về ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu vấn đề chuyên môn và giải quyết công việc phù hợp.	PG3
	Kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, phản biện, giao tiếp hiệu quả, truyền đạt kiến thức, chuyên nghiệp phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực công nghệ cơ khí.	PG4
Năng lực tự	Khả năng tự học tập suốt đời, năng lực học tập nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp, trung thực và đoàn kết tự giải quyết các vấn đề chuyên	PG5

chủ trách nhiệm (Tc)	môn, học thuật. Chịu trách nhiệm về kết quả của cá nhân và của nhóm. Đánh giá trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp.	PG6
	Chủ động thể hiện quan điểm cá nhân trong việc đưa ra lập luận, kết luận chuyên môn. Có ý thức trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp.	

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn : Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học.	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Program learning outcomes (PLOs)	Ghi chú
	Kiến thức	
PLO1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng CSVN, hệ thống chính trị, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào phân tích, giải quyết các vấn đề chuyên môn và thực tiễn xã hội đặt ra.	2
PLO2	Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên và xã hội, ngoại ngữ, tin học để tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc	2
PLO3	Vận dụng được các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi thuộc lĩnh vực cơ khí để tiếp thu kiến thức chuyên môn.	3
PLO4	Áp dụng được các kiến thức của nhóm ngành, ngành để đặt vấn đề, hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai, kiểm tra và đánh giá các hoạt động thuộc lĩnh vực ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3
PLO5	Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu cho việc lập kế hoạch, tổ chức và giám sát vận hành, giám sát quy trình gia công và sản xuất chi tiết máy, bảo trì và bảo dưỡng máy móc, thiết bị cơ khí; cơ điện tử; ô tô; điện lạnh.	3

PLO6	Sử dụng được phần mềm chuyên ngành để tính toán, thiết kế, phân tích các vấn đề thuộc ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí.	4
PLO7	Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu vào việc quản lý và điều hành các công việc tính toán, thiết kế, lập trình quy trình công nghệ, lập trình gia công, mô phỏng lắp ráp, chế tạo chi tiết máy.	4
Kỹ năng		
PLO8	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, công việc mới, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.	3
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình.	3
PLO10	Đạt chuẩn năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn	3
PLO11	Kỹ năng truyền đạt vấn đề, lập luận kỹ thuật, giải quyết vấn đề bảo vệ quan điểm và đưa ra các giải pháp tới người khác. Kỹ năng thiết kế, lập trình, gia công chế tạo, bảo trì, sửa chữa các vấn đề trong sản xuất.	4
PLO12	Kỹ năng tư duy, phản biện, phê phán, phân tích thông tin để lập kế hoạch, tổ chức, quản lý trong thiết kế, chế tạo, lắp đặt vận hành, giám sát, bảo dưỡng trang thiết bị và dây chuyền sản xuất.	4
PLO13	Kỹ năng thể hiện vai trò cá nhân trong việc đánh giá chất lượng công việc của bản thân và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO14	Khả năng tự học tập suốt đời, năng lực học tập nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp, trung thực và đoàn kết tự giải quyết các vấn đề chuyên môn, học thuật. Chịu trách nhiệm về kết quả của cá nhân và của nhóm. Đánh giá trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội.	3
PLO15	Hướng dẫn các thành viên trong nhóm để đạt hiệu quả công việc được giao. Chủ động thể hiện quan điểm cá nhân trong việc đưa ra lập luận, kết luận chuyên môn. Hình thành ý tưởng xây dựng kết hoạch sản xuất.	3

- Chuẩn đầu ra chương trình (PLO) được được tích hợp với mục tiêu của chương trình (PG) (Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo)

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	√					
PLO2	√					
PLO3		√				
PLO4		√				
PLO5		√				
PLO6		√				
PLO7		√				
PLO8			√			
PLO9			√			
PLO10			√			
PLO11				√		
PLO12			√	√		
PLO13			√			
PLO14					√	
PLO15						√

Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo
 Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp khung năng lực quốc gia (Ma trận số 2:
 quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia)

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt1	Kt2	Kt3	Kt4	Kt5	Kn1	Kn2	Kn3	Kn4	Kn5	Kn6	Tc1	Tc2	Tc3	Tc4
PLO1	√														
PLO2	√														
PLO3		√		√											
PLO4			√	√											
PLO5			√		√										
PLO6			√		√										
PLO7			√		√										
PLO8							√								
PLO9		√									√				
PLO10		√				√									
PLO11						√				√					
PLO12			√					√							
PLO13						√			√						
PLO14			√	√	√							√			
PLO15													√	√	√

Ma trận số 2: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(Ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt: Tài chính – Ngân hàng

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh: Finance - Banking

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng; Mã ngành: 7340201

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Mã chương trình đào tạo: 7340201_2023

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo 04 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo trường đại học Thái Bình)

1.2. Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Thái Bình.

Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển học bạ lớp 12 và tổng điểm các bài thi/môn của từng tổ hợp xét tuyển của kỳ thi THPT theo quy định hiện hành Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổ hợp xét tuyển: A00; B00; C14, D01

1.3. Thang điểm/phương thức đào tạo/điều kiện tốt nghiệp:

- Thang điểm:

+ Điểm học phần sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25 ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

- Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:



a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng;

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học có thể:

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức	Trang bị kiến thức nền tảng và các nguyên lý cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội để có thể giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.	PG1
	Trang bị kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, kiến thức thực tế để nghiên cứu, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng	PG2
Về kỹ năng:	Có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sự việc và giải	PG3

	quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng	
	Có kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết, kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các hoạt động để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.	PG4
Năng lực tự chủ trách nhiệm:	Có ý thức, khả năng tự học tập suốt đời; năng lực học tập nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp.	PG5
	Có tư duy độc lập, sáng tạo và phản biện; có phẩm chất đạo đức, chính trị và tuân thủ pháp luật.	PG6

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn : Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	Ghi chú
	Kiến thức	
PLO1	Hiểu được những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống chính trị, pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn	2
PLO2	Hiểu được các kiến thức về toán học, tin học, ngoại ngữ và khoa học tự nhiên, xã hội để học tập các kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu công việc	2
PLO3	Áp dụng những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh vào việc phân tích giải	3

	quyết các vấn đề liên quan trong công việc.	
PLO4	Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ, quản lý các vấn đề trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.	3
PLO5	Áp dụng các kiến thức về quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng và kế toán để lập kế hoạch, tổ chức quản lý và điều hành, giám sát quá trình hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng của các đơn vị và tổ chức	3
PLO6	Vận dụng các kiến thức lý thuyết và thực tế của ngành tài chính ngân hàng (tài chính doanh nghiệp, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tín dụng và chính sách tín dụng, nghiệp vụ ngân hàng thương mại, thanh toán quốc tế, hải quan, tài chính quốc tế,...) vào tổng hợp, phân tích thông tin và đề xuất các giải pháp trong việc ra quyết định tài chính – tiền tệ trong các loại hình đơn vị và tổ chức	3
PLO7	Phân tích các tình huống thực tế khi tham gia thực hành, thực tế tại các đơn vị và tổ chức	4
	Kỹ năng	
PLO8	Thể hiện khả năng thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho mình và cho người khác	3
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình.	
PLO10	Đạt năng lực chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.	3
PLO11	Phát triển kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc. Truyền tải, phổ biến kiến thức trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3
PLO12	Phát triển kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo và phản biện,... trong công việc và cuộc sống	3
PLO13	Phát triển kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực tài chính ngân hàng để đưa ra các quyết định tài chính – tiền tệ thích hợp	3
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO14	Phát triển khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3
PLO15	Thể hiện nhận thức về các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy định của pháp luật, trách nhiệm với xã hội và tinh thần học tập suốt đời để phát triển bản thân.	3

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình (Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo)

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	√					
PLO2	√					
PLO3		√				
PLO4		√				
PLO5		√				
PLO6		√				
PLO7		√				
PLO8			√			
PLO9			√			
PLO10			√			
PLO11				√		
PLO12				√		
PLO13				√		
PLO14					√	
PLO15						√

Ma trận số 01: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với khung năng lực quốc gia (Ma trận số 2: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung trình độ Quốc gia)

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt1	Kt2	Kt3	Kt4	Kt5	Kn1	Kn2	Kn3	Kn4	Kn5	Kn6	Tc1	Tc2	Tc3	Tc4
PLO1		√													
PLO2		√													
PLO3	√														
PLO4	√		√												
PLO5	√			√	√										
PLO6	√			√	√										
PLO7	√			√	√										
PLO8						√	√								
PLO9											√				
PLO10						√		√							
PLO11										√					
PLO12									√						
PLO13								√							
PLO14												√	√		
PLO15														√	√

Ma trận số 02: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

(Ban hành theo Quyết định số.../QĐ-ĐHTB, ngày 24 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

Tên bằng tiếng anh: Electrical and Electronic engineering technology

Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Mã ngành: 7510301

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính qui

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

Mã chương trình đào tạo: 7510301_2023

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo chuẩn 4 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo của trường Đại học Thái Bình).

1.2. Chuẩn đầu vào: Sinh viên tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Thái Bình.

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh của Nhà trường.

1.3. Thang điểm/quy trình đào tạo/điều kiện tốt nghiệp

- Thang điểm:

+ Điểm học phần: Sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ.

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25 ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình).

- Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:

a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên – xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức (Kt)	Kiến thức khoa học cơ bản, những nguyên lý, chính trị, quy luật tự nhiên - xã hội, có hiểu biết về hệ thống pháp luật Việt Nam, đề đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng và hội nhập quốc tế trong thời đại mới.	PG1
	Kiến thức nền tảng về kỹ thuật cơ sở, liên ngành, nhóm ngành, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành, các kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.	PG2
Về kỹ năng (Kn)	Kỹ năng phân tích, tính toán, thiết kế, lập quy trình công nghệ, lập trình phần mềm, mô phỏng, xử lý dữ liệu; kỹ năng nghiên cứu khoa học, dẫn dắt, khởi nghiệp, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ. Kỹ năng lãnh đạo, lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, lắp đặt vận hành, kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng trang thiết bị và dây chuyền sản xuất. Có năng lực về ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu vấn đề chuyên môn và giải quyết công việc phù hợp.	PG3
	Kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, phản biện, giao tiếp hiệu quả, truyền đạt kiến thức, chuyên nghiệp phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực công nghệ Điện, Điện tử.	PG4
Năng lực tự chủ	Khả năng tự học tập suốt đời, năng lực học tập nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp, trung thực và đoàn kết tự giải quyết các vấn đề chuyên môn, học thuật. Chịu trách nhiệm về kết quả của cá nhân và của nhóm.	PG5

trách nhiệm (Tc)	Đánh giá trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp.	
	Chủ động thể hiện quan điểm cá nhân trong việc đưa ra lập luận, kết luận chuyên môn. Dự báo xu hướng thời đại để phát triển chuyên môn và nghề nghiệp bền vững.	PG6

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn : Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học.	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Program learning outcomes (PLOs)	Ghi chú
	Kiến thức	
PLO1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng CSVN, hệ thống chính trị, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào phân tích, giải quyết các vấn đề chuyên môn và thực tiễn xã hội đặt ra.	2
PLO2	Áp dụng các kiến thức về khoa học tự nhiên và xã hội, ngoại ngữ, tin học và nền tảng kỹ thuật cốt lõi thuộc lĩnh vực cơ khí để tiếp thu kiến thức chuyên môn.	2
PLO3	Áp dụng kiến thức cơ sở kỹ thuật để tiếp thu, nghiên cứu kiến thức ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.	3
PLO4	Áp dụng các kiến thức của nhóm ngành để đặt vấn đề, hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai, kiểm tra và đánh giá các hoạt động thuộc lĩnh vực ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.	3

PLO5	Áp dụng các phương pháp, các công cụ, máy móc hiện đại cho việc lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình công nghệ; thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo trì và bảo dưỡng trang thiết bị máy móc, dây chuyền trong các nhà xưởng, dây chuyền sản xuất và trong hệ thống điện.	3
PLO6	Áp dụng phần mềm chuyên ngành để tính toán, thiết kế các vấn đề thuộc ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.	3
PLO7	Áp dụng các kiến thức về quản lý và điều hành các công việc tính toán, thiết kế, lập trình mô phỏng	4
Kỹ năng		
PLO8	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, công việc mới, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.	3
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình.	3
PLO10	Đạt chuẩn năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn.	3
PLO11	Kỹ năng thuyết trình, lập luận kỹ thuật, giải quyết vấn đề bảo vệ quan điểm và đưa ra các giải pháp tới người khác. Kỹ năng thiết kế, mô hình hóa, lập trình	4
PLO12	Kỹ năng tư duy, phản biện, phê phán, phân tích thông tin để lập kế hoạch, tổ chức, quản lý trong thiết kế, chế tạo, lắp đặt vận hành, giám sát, bảo dưỡng trang thiết bị và dây chuyền sản xuất.	4
PLO13	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc của bản thân, thể hiện vai trò các nhân trong nhóm thông qua kỹ năng đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO14	Năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong mọi công việc chuyên môn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội.	3
PLO15	Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm để đạt hiệu quả công việc được giao. Chủ động thể hiện quan điểm cá nhân trong việc đưa ra lập luận, kết luận chuyên môn. Có năng lực dự báo xu hướng thời đại để phát triển chuyên môn và nghề nghiệp bền vững. Hình thành ý tưởng xây dựng kết hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực.	3

- Chuẩn đầu ra chương trình (PLO) được được tích hợp với mục tiêu của chương trình (PG) (Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo)

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	√					
PLO2	√					
PLO3		√				
PLO4		√				
PLO5		√				
PLO6		√				
PLO7		√				
PLO8			√			
PLO9			√			
PLO10			√			
PLO11				√		
PLO12			√	√		
PLO13			√			
PLO14					√	
PLO15						√

Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo
 Chuẩn đầu ra chương trình được được tích hợp khung năng lực quốc gia (Ma trận số 2:
 quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia)

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt1	Kt2	Kt3	Kt4	Kt5	Kn1	Kn2	Kn3	Kn4	Kn5	Kn6	Tc1	Tc2	Tc3	Tc4
PLO1	✓														
PLO2	✓														
PLO3		✓		✓											
PLO4			✓	✓											
PLO5			✓		✓										
PLO6			✓		✓										
PLO7			✓		✓										
PLO8							✓								
PLO9		✓									✓				
PLO10		✓				✓									
PLO11						✓				✓					
PLO12			✓					✓							
PLO13						✓			✓						
PLO14			✓	✓	✓							✓			
PLO15													✓	✓	✓

Ma trận số 2: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT

(Ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt:	Luật
Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh:	Law
Ngành đào tạo:	Luật
Mã ngành:	7380101
Trình độ đào tạo:	Đại học
Hình thức đào tạo:	Chính qui
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng tốt nghiệp cử nhân Luật do Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình cấp.
Mã chương trình đào tạo:	7380101_2023

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo 04 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo Trường Đại học Thái Bình)

1.2. Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Thái Bình.

Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển học bạ lớp 12 và tổng điểm các bài thi/môn của từng tổ hợp xét tuyển của kỳ thi THPT theo quy định hiện hành Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổ hợp xét tuyển: A00; D01; C14; C03.

1.3. Thang điểm/phương thức đào tạo/điều kiện tốt nghiệp:

- Thang điểm:

+ Điểm học phần: Sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ.

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25 ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình).



- Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:

a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành đạt các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên, xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi tốt nghiệp, người học đạt được:

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức	Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội, nhân văn để lý giải, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn	PG1
	Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về	PG2

	pháp luật để nhận biết và giải quyết các vấn đề pháp lý, các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc	
Về kỹ năng	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý, tiếp cận thực tế, có kỹ năng cá nhân và trách nhiệm giải quyết công việc, học tập	PG3
	Kỹ năng phân biện, giao tiếp hiệu quả, truyền đạt, chuyển tải, phổ biến kiến thức phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực pháp lý	PG4
Năng lực tự chủ trách nhiệm	Khả năng tự học tập suốt đời, tự ý thức, trách nhiệm với hoạt động phục vụ cộng đồng và xã hội, đạo đức nghề nghiệp.	PG5
	Khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, tự chủ và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn.	PG6

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn: Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	Ghi chú (Mức độ đạt chuẩn)
	Kiến thức	
PLO1	Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về hệ thống chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới, về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.	2
PLO2	Hiểu được các kiến thức về ngoại ngữ, tin học và khoa học xã hội, nhân văn để tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc	2
PLO3	Vận dụng các kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật, về kinh tế - xã hội vào việc phân tích, giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan trong công việc	3
PLO4	Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ quản lý các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp lý	3
PLO5	Vận dụng kiến thức thuộc ngành luật dân sự, hình sự, kinh tế, quốc tế, thương mại quốc tế, tài chính, tổ tụng dân sự, tổ tụng hình sự, tổ tụng hành chính... để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc	3
PLO6	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về khoa học pháp lý trong các lĩnh vực về tội phạm, về đất đai, hợp đồng, hôn nhân-gia đình, lao động, an sinh xã hội, kinh tế, bảo vệ môi trường, sở hữu trí tuệ, hành chính để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể	3
PLO7	Phân tích, tổng hợp, đánh giá các quy định của pháp luật để có những đề xuất thay đổi các quy định pháp luật, nêu ra các gợi ý trong việc ra quyết định, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan trong lĩnh vực khoa học pháp lý	4
	Kỹ năng	
PLO8	Thể hiện năng lực thích ứng với môi trường, công việc mới	3

	và dẫn dắt, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình.	3
PLO10	Đạt chuẩn năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT	3
PLO11	Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề, chuyên tải phổ biến kiến thức, kỹ năng, bảo vệ quan điểm và đưa ra các giải pháp tới người khác tại nơi làm việc nhằm phối hợp giải quyết hiệu quả công việc	3
PLO12	Phát triển kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm, kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo	3
PLO13	Thực hiện được các kỹ năng cần thiết như kỹ năng hỗ trợ tư pháp, soạn thảo văn bản, hoà giải, tư vấn pháp luật; hoạch định, phân tích, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động trong lĩnh vực khoa học pháp lý	3
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO14	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong các công việc chuyên môn.	3
PLO15	Tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật; có đủ năng lực để thực hiện công việc thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý tại các tổ chức, cơ quan, đơn vị; có tinh thần, khả năng học tập suốt đời để phát triển bản thân.	3



Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình (Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo)

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	√					
PLO2	√	√				
PLO3		√				
PLO4		√				
PLO5		√				
PLO6		√				
PLO7		√				
PLO8			√			
PLO9			√			
PLO10			√			
PLO11				√		
PLO12			√			
PLO13			√			
PLO14						√
PLO15					√	√

Ma trận số 01: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với khung năng lực quốc gia (Ma trận số 2: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung trình độ Quốc gia)

PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt 1	Kt 2	Kt 3	Kt 4	Kt 5	Kn 1	Kn 2	Kn 3	Kn 4	Kn 5	Kn 6	Tc 1	Tc 2	Tc 3	Tc 4
PLO1		√													
PLO2		√													
PLO3					√										
PLO4			√												
PLO5	√			√											
PLO6	√		√	√											
PLO7	√			√											
PLO8							√								
PLO9											√				
PLO10						√									
PLO11										√					
PLO12								√							
PLO13						√			√						
PLO14												√			
PLO15													√	√	√

Ma trận số 02: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ

(Ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTB ngày 24. tháng 10. năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt: **Kinh tế**
Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh: **Economics**
Ngành đào tạo: **Kinh tế**; Mã ngành: **7310101**
Trình độ đào tạo: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế do Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình cấp.
Mã chương trình đào tạo: 7310101_2023

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo chuẩn 04 năm (Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy chế đào tạo Trường Đại học Thái Bình).

1.2. Chuẩn đầu vào: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Thái Bình.

Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

1.3. Thang điểm/phương thức đào tạo/điều kiện tốt nghiệp:

- Thang điểm:

+ Điểm học phần: Sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ.

+ Điểm trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 10, Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình).

- Phương thức đào tạo:

Trường áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Cụ thể:



a) Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Sinh viên khi đăng ký học phần phải nắm được tiến trình đào tạo/đề cương của học phần, đảm bảo các nguyên tắc học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần tương đương, học phần thay thế.

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành đạt các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program goals - PG)

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, người học có:

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức (Kt)	Kiến thức khoa học cơ bản, những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có hiểu biết về hệ thống pháp luật Việt Nam, để lý giải, áp dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn.	PG1
	Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế để tổ chức có hiệu quả các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế trong thực tiễn.	PG2

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kỹ năng (Kn)	Kỹ năng hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức kinh tế; có năng lực về ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu vấn đề chuyên môn. giải quyết công việc phù hợp với từng vị trí việc làm	PG3
	Kỹ năng phản biện, giao tiếp hiệu quả, truyền đạt, chuyển tải phổ biến kiến thức phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực kinh tế	PG4
Năng lực tự chủ trách nhiệm (Tc)	Năng lực tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	PG5
	Năng lực, phẩm chất chính trị để xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, xã hội gắn với năng lực công tác và hoạch định phát triển bản thân.	PG6

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mức độ đạt chuẩn: Sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học trên 3 phương diện: *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.*

Cấp độ	Mô tả	Mức độ đạt chuẩn
Ghi nhớ	Khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi người học có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học	1
Hiểu	Khả năng diễn đạt được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	2
Áp dụng	Áp dụng là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó.	3
Phân tích	Khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	4
Đánh giá	Dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề.	5
Sáng tạo	Khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới.	6

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	Ghi chú (Mức độ đạt chuẩn)
Kiến thức		
PLO1	Hiểu được những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn	2
PLO2	Hiểu được các kiến thức về toán học, ngoại ngữ, tin học và khoa học tự nhiên, xã hội để tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc	2
PLO3	Áp dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh vào việc phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan trong công việc.	3
PLO4	Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin làm công cụ quản lý các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế.	3
PLO5	Áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế như nguyên lý hoạt động, chức năng cơ bản để phân tích các hoạt động của các tổ chức kinh tế.	3
PLO6	Áp dụng kiến thức chuyên sâu và sử dụng công cụ phân tích, lập kế hoạch, tổ chức, giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế.	3
PLO7	Phân tích được tác động của bối cảnh kinh tế, xã hội, dân số, lao động, môi trường, đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế đối ngoại đến hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế.	4
Kỹ năng		
PLO8	Thể hiện năng lực thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.	3
PLO9	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo quy định hiện hành của trường Đại học Thái Bình	3
PLO10	Đạt chuẩn năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT	3
PLO11	Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng, bảo vệ quan điểm và đưa ra các giải pháp tới người khác trong công việc và cuộc sống	3
PLO12	Phát triển kỹ năng tư duy, phản biện, phê phán để phân tích, tổng hợp, xử lý giải quyết công việc trong bối cảnh kinh tế thay đổi	3
PLO13	Thực hiện được kỹ năng hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức kinh tế	3

Mã số	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	Ghi chú (Mức độ đạt chuẩn)
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO14	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong các công việc chuyên môn.	3
PLO15	Tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật; có đủ năng lực để thực hiện công việc thuộc lĩnh vực kinh tế tại các tổ chức và có tinh thần học tập suốt đời để phát triển bản thân.	3

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình (Ma trận số 1: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo).

Ghi chú: Điền dấu ✓ thể hiện sự hướng đến mục tiêu chương trình đào của mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

PLOs	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program goals - PGs)					
	PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
PLO1	✓					
PLO2	✓					
PLO3		✓				
PLO4		✓				
PLO5		✓				
PLO6		✓				
PLO7		✓				
PLO8			✓			
PLO9			✓			
PLO10			✓			
PLO11				✓		
PLO12			✓			
PLO13			✓			
PLO14					✓	
PLO15						✓

Ma trận số 01: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với khung năng lực quốc gia (Ma trận số 2: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung trình độ Quốc gia).

Ghi chú: Điền dấu ✓ thể hiện sự hướng đến Khung năng lực quốc gia của mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



PLOs	Khung trình độ quốc gia														
	Kt1	Kt2	Kt3	Kt4	Kt5	Kn1	Kn2	Kn3	Kn4	Kn5	Kn6	Tc1	Tc2	Tc3	Tc4
PLO1		√													
PLO2		√													
PLO3					√										
PLO4			√												
PLO5	√			√	√										
PLO6	√			√	√										
PLO7	√			√	√										
PLO8							√								
PLO9											√				
PLO10						√									
PLO11										√					
PLO12								√							
PLO13									√						
PLO14												√			
PLO15													√	√	√

Ma trận số 02: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và khung năng lực quốc gia